

Số: /2023/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày tháng 3 năm 2023

### QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp 05 năm (2020 - 2024) và Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định về khung giá đất;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất, xây dựng, điều chỉnh Bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;*

*Căn cứ Công văn số 77/HĐND-KTNS ngày 06 tháng 3 năm 2023 của Thường trực Hội đồng nhân dân Tỉnh về việc cho ý kiến nội dung điều chỉnh Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp 05 năm (2020-2024);*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp 05 năm (2020 – 2024) và Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 5 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Tỉnh như sau:

“4. Đối với thửa đất mà phần mặt tiền tiếp giáp với các tuyến đường là nương lộ có chiều rộng dưới 3 mét (không phân biệt đã san lấp hay chưa san lấp) hoặc đường dân sinh được phép kết nối theo quy định thì giá đất tại vị trí 1 được tính bằng giá đất của thửa đất tiếp giáp với đường phố; giá đất tại vị trí 1 được tính bằng 80% giá của thửa đất tiếp giáp với đường phố nếu chiều rộng của nương lộ rộng từ 3 mét trở lên (không kể đối với giá đất nông nghiệp), cách tính giá đất các vị trí tiếp theo thực hiện theo Khoản 2 Điều này.

Trường hợp nương lộ đã san lấp toàn tuyến thì giá đất được tính bằng giá đất quy định tại Điều 10 Quy định này.

Trường hợp bên trong nương lộ có đường giao thông thì giá đất được tính theo đường giao thông đó.”

2. Bổ sung khoản 9, khoản 10 Điều 5 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Tỉnh như sau:

“9. Cách xác định vị trí đất thuộc Điều 6, Điều 7, Điều 8 thực hiện theo quy định tại Điều này và khoản 6, khoản 7 Điều 3 Quy định này.

Riêng đối với đất nông nghiệp: Thửa đất tiếp giáp đường giao thông (giao thông nội đồng) mà đường giao thông tiếp giáp đường thủy có kích thước mặt cắt từ 30 mét trở lên thì được xác định là vị trí 1 tính từ mép đường hiện trạng.

10. Phạm vi 200 mét là khoảng cách tối đa được tính từ đường giao thông, trường hợp bên trong có đường giao thông thì giá đất thửa đất tiếp giáp được xác định theo nguyên tắc của khoản 1, khoản 2 Điều này.”

3. Bổ sung điểm d khoản 3 Điều 7 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp như sau:

“d) Các lộ kết nối với Quốc lộ, Đường tỉnh không có tên tại Phụ lục 2 có cơ sở hạ tầng như: mặt lộ tráng nhựa hoặc bê tông, xi măng thì giá đất thửa đất tiếp giáp được tính bằng vị trí 2 trong phạm vi 100 mét tính từ mép ngoài của lộ kết nối; trường hợp còn lộ đất hoặc được trải đá thì giá đất được tính bằng vị trí 3 của lộ kết nối nhưng không thấp hơn mức giá tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 10 Quy định này.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 10 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 của Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND như sau:

“2. Bảng giá đất ở tại nông thôn (ban hành kèm theo tại Phụ lục số 02).

3. Bảng giá đất ở tại đô thị (ban hành kèm theo tại Phụ lục số 03).”

**Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành Tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2023./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài Chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT/TU, TT/HĐND Tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội Tỉnh;
- CT, các PCT/UBND Tỉnh;
- Các ban Đảng và đoàn thể Tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công báo Tỉnh;
- LĐVP/UBND Tỉnh;
- Lưu VT, NC/KT-tuan.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Minh Tuấn**